

Số 2546 -BC/HVCTQG

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

sơ kết 2 năm triển khai Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư
về trường chính trị chuẩn

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 26-5-2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09-10-2014 của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030; Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 09-02-2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19-5-2018 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, nhằm khắc phục những bất cập, hạn chế trong công tác trường chính trị, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của tình hình mới, ngày 19/5/2021, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 về trường chính trị chuẩn (Quy định số 11-QĐ/TW).

Sau 2 năm triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh báo cáo về một số kết quả chủ yếu như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác quán triệt, phổ biến Quy định số 11-QĐ/TW và thực hiện nhiệm vụ được phân công của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

1.1. Tổ chức phổ biến, quán triệt, hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định

Ngay sau khi Quy định số 11-QĐ/TW được ban hành, ngày 01/7/2021, Học viện đã tổ chức Hội nghị triển khai Quy định số 11-QĐ/TW theo hình thức trực tuyến với sự tham dự của đại diện lãnh đạo các cơ quan Trung ương có liên quan, thường trực các tỉnh ủy, thành ủy; lãnh đạo các sở, ban, ngành, ban giám hiệu, các trường, phó khoa, phòng của các trường chính trị. Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Giám đốc Học viện, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương trực tiếp quán triệt Quy định số 11-QĐ/TW. Tại Hội nghị các đại biểu đã thảo luận tập trung làm rõ những thuận lợi, khó khăn, các nhiệm vụ, giải pháp triển khai Quy định số 11-QĐ/TW và thống nhất nhận thức, phương pháp triển khai thực hiện trên cả nước, tạo động lực, khí thế mới cho các trường chính trị trong xây dựng, phát triển nhà trường. Sau Hội nghị, Học viện đã ban hành Thông báo số 463-TB/HVCTQG ngày 22/7/2021 kết luận của đồng chí Giám đốc Học viện về việc triển khai Quy định số 11-QĐ/TW.

Học viện tập trung triển khai quyết liệt, bài bản, nghiêm túc Quy định số 11-QĐ/TW, ban hành Nghị quyết chuyên đề của Đảng bộ Học viện, các chương trình, kế hoạch và các văn bản hướng dẫn thực hiện¹. Qua đó, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công tác tổ chức thực hiện của Học viện, cũng như tạo thể chế đồng bộ, toàn diện cho các tỉnh ủy, thành ủy và các trường chính trị triển khai thực hiện.

Công tác truyền thông, tuyên truyền về xây dựng trường chính trị chuẩn được đặc biệt chú trọng. Các cơ quan báo chí, truyền thông như Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam... tích cực tuyên truyền, đưa tin, bài, phóng sự về triển khai Quy định số 11-QĐ/TW. Học viện đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các tạp chí, bản tin, công thông tin điện tử của Học viện... tạo sự lan tỏa tích cực đến các trường chính trị trên cả nước.

1.2. Triển khai các nhiệm vụ được phân công theo Quy định số 11-QĐ/TW

Sau khi có Quy định số 11-QĐ/TW, Học viện đã tiến hành khảo sát toàn hệ thống trường chính trị cấp tỉnh để nắm hiện trạng của từng trường, từ đó phân loại các nhóm trường (nhóm trường tiệm cận chuẩn mức 1, nhóm trường còn nhiều khó khăn cần hỗ trợ, thúc đẩy). Đặc biệt, lựa chọn các trường tiêu biểu theo khu vực để thúc đẩy đạt chuẩn mức 1 trong các năm 2022, 2023 nhằm tạo sự lan tỏa đến các trường trong khu vực và cả nước. Học viện chủ động tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW của các trường chính trị, nắm bắt tình hình thực hiện, đôn đốc, hỗ trợ, thúc đẩy triển khai xây dựng trường chính trị chuẩn; ban hành văn bản gửi các tỉnh ủy, thành ủy nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các trường trong triển khai thực hiện trường chính trị chuẩn.

Học viện đã tổ chức các Đoàn công tác của lãnh đạo Học viện làm việc với các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương về thúc đẩy xây dựng trường chính trị chuẩn. Đến tháng 9/2023, Học viện đã làm việc với 34 tỉnh ủy, thành ủy. Sau các buổi làm việc, Giám đốc Học viện có Thông báo kết luận chỉ đạo, định hướng công tác trường chính trị, đặc biệt là thúc đẩy xây dựng, hoàn thiện các tiêu chí trường chính trị chuẩn. Qua đó, tăng cường sự kết nối, phối hợp với các tỉnh ủy, thành ủy; tiếp tục phát huy vai trò của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trong chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, quản lý hệ thống đối với các trường chính trị.

Học viện đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ, hướng dẫn các trường chính trị trong xây dựng thể chế, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn... để hoàn thiện các tiêu chí chuẩn, như: ban hành bộ quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chính trị, quy định đánh giá chất lượng đào tạo Trung cấp Lý luận chính trị; mở 44 lớp bồi dưỡng, tập huấn giảng viên trường chính trị cho 8383 lượt cán bộ, giảng viên,

¹ Nghị quyết số 21-NQ/ĐU ngày 30/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ Học viện về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ủy Học viện trong triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn, các chương trình, kế hoạch và các văn bản hướng dẫn thực hiện; Kế hoạch số 380-KH/HVCTQG ngày 06/9/2021 về triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn giai đoạn 2021-2025; Hướng dẫn số 381-HD/HVCTQG ngày 06/9/2021 về quy trình công nhận trường chính trị chuẩn và cụ thể hóa một số nội dung của Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn; Kế hoạch số 1247-KH/HVCTQG ngày 09/9/2022 của Giám đốc Học viện tổ chức phong trào thi đua "Xây dựng trường chính trị chuẩn" giai đoạn 2022-2025; Công văn số 2696-CV/HVCTQG ngày 13/9/2022 của Giám đốc Học viện về tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng đối với giảng viên trường chính trị cấp tỉnh...

trong đó có 16 lớp bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với 922 cán bộ, giảng viên trường chính trị; mở 01 lớp đào tạo giảng viên lý luận chính trị cho cán bộ, giảng viên các trường chính trị với 18 cán bộ, giảng viên của 14 trường chính trị tham gia [*Phụ lục 1*]; Học viện đã hướng dẫn 14 trường chính trị cấp tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức thành công Hội thảo khoa cấp Bộ thuộc Dự án Diễn đàn phát triển địa phương và đang triển khai giao các trường chính trị cấp tỉnh tổ chức 8 hội thảo khoa học cấp Bộ năm 2023; giao 7 Cụm thi đua trường chính trị tổ chức thành công 7 tọa đàm khoa học. Triển khai cho các trường đề xuất các đề tài khoa học cấp Bộ, đến nay có 14 nhiệm vụ khoa học cấp Bộ được đề xuất từ các trường.

Học viện triển khai phong trào thi đua xây dựng trường chính trị chuẩn², gắn hoạt động thi đua của các cụm thi đua, các trường chính trị với thực hiện nhiệm vụ xây dựng trường chính trị chuẩn; tổ chức các tọa đàm, hội thảo về chủ đề “Xây dựng trường chính trị chuẩn giai đoạn 2020-2025”... đã góp phần xây dựng được những mô hình, điển hình có sức lan tỏa tới các trường trong khu vực và cả nước; qua đó khích lệ, động viên, khen thưởng các tập thể cá nhân có thành tích nổi bật trong phong trào thi đua.

Công tác thẩm định, công nhận trường chính trị đạt chuẩn được triển khai bài bản, khoa học, nghiêm túc, chặt chẽ theo phương châm thực chất, khách quan, không hình thức, không nọ tiêu chí. Hoạt động thẩm định, công nhận trường chính trị đạt chuẩn đã được Học viện chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Nội vụ triển khai theo quy trình thẩm định khách quan, công tâm, qua nhiều vòng: Trường Chính trị cấp tỉnh tự đánh giá; Hội đồng đánh giá của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, đánh giá; Hội đồng thẩm định cấp Học viện với thành viên là đại diện Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Nội vụ đã tiến hành khảo sát thực địa, rà soát, kiểm tra hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn. Lễ công bố Quyết định công nhận trường chính trị đạt chuẩn được Học viện phối hợp với các tỉnh ủy, thành ủy tổ chức trang trọng, tiết kiệm, có sức lan tỏa đến các trường chính trị trong khu vực và cả nước.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương đối với các trường chính trị cấp tỉnh trong triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW

Các tỉnh ủy, thành ủy đều xác định triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trường chính trị chuẩn là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng đảng, xây dựng hệ thống chính trị của địa phương; nhiều tỉnh ủy, thành ủy đã đưa nội dung xây dựng trường chính trị chuẩn vào chương trình hành động của nhiệm kỳ 2020-2025.

Các tỉnh ủy, thành ủy đã quyết liệt trong chỉ đạo xây dựng, phê duyệt Đề án trường chính trị chuẩn, giao cho các ban, sở, ngành có liên quan phối hợp với trường chính trị xây dựng đề án, trình ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy phê duyệt.

² Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã ban hành Kế hoạch số 1247-KH/HVCTQG ngày 09/9/2022 và tổ chức Lễ phát động phong trào thi đua “Xây dựng trường chính trị chuẩn” giai đoạn 2022-2025 tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ban Thường vụ, thường trực tỉnh ủy, thành ủy đã trực tiếp làm việc với trường chính trị, với các ban, sở, ngành có liên quan để nắm bắt tình hình, nhất là những khó khăn, vướng mắc của trường, vì vậy, các đề án đều có những giải pháp cụ thể, sát thực tiễn và khả thi. Với những nỗ lực rất lớn của các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, đến nay, đã có 60/63 tỉnh ủy, thành ủy phê duyệt Đề án xây dựng trường chính trị chuẩn [Phụ lục 2]. Trong đó, một số tỉnh đã triển khai xây dựng kế hoạch, đề án xây dựng trường chính trị chuẩn ngay sau khi Ban Bí thư ban hành Quy định số 11-QĐ/TW như: Bắc Ninh, Hải Dương, Yên Bái, Đắk Lắk, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Quảng Nam, An Giang, Hậu Giang, Thái Nguyên³... Đề án của 4 tỉnh xác định hoàn thành xây dựng trường chính trị chuẩn mức 1 trong năm 2022, gồm: Bắc Ninh, Lào Cai, Nghệ An, Quảng Ninh. Hầu hết các tỉnh, thành phố đều xác định phấn đấu xây dựng trường chính trị đạt chuẩn mức 1 trước năm 2025, đạt chuẩn mức 2 vào trước năm 2030. Mục tiêu này thể hiện rõ quyết tâm thực hiện thành công Quy định số 11-QĐ/TW của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn.

Các tỉnh ủy, thành ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trường chính trị và các ban, sở, ngành, địa phương phối hợp tổ chức thực hiện Đề án xây dựng trường chính trị chuẩn như: chú trọng hơn đến công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức trường chính trị, trong đó quan tâm tuyển dụng mới; điều động cán bộ, viên chức, đặc biệt đội ngũ lãnh đạo trường đáp ứng tiêu chí chuẩn về trường chính trị công tác⁴ [Phụ lục 3]; cử cán bộ, giảng viên các trường đi học thạc sĩ, tiến sĩ và cao cấp lý luận chính trị; một số địa phương có cơ chế, chính sách hỗ trợ kinh phí cho giảng viên đi học tiến sĩ, thạc sĩ, như Lào Cai, Bình Dương, Điện Biên...; một số tỉnh đã quan tâm hơn đến việc thăng hạng viên chức cho giảng viên trường chính trị đủ tiêu chuẩn⁵. Nhiều tỉnh ủy, thành ủy quan tâm chỉ đạo và thống nhất giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cho trường chính trị theo Quy định số 09-QĐ/TW, thống nhất thực hiện trường chính trị là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức duy nhất ở cấp tỉnh; tăng cường mở các lớp đào tạo hệ tập trung. Quan tâm, tăng cường thực hiện giao đề tài, hội thảo khoa học cho trường chính trị. Trong giai đoạn 2021-2023, các trường được giao 159 đề tài, hội thảo cấp tỉnh, tăng gấp 3 lần so với giai đoạn 2019-2020. Quan tâm tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất theo tiêu chí chuẩn, một số trường đã được bố trí địa điểm mới để xây dựng cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại, bảo đảm diện tích sử dụng đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa theo Quy định số 11-QĐ/TW của Ban Bí thư.

Các tỉnh ủy, thành ủy phối hợp chặt chẽ với Học viện trong xây dựng dự thảo Đề án trường chính trị chuẩn; chuẩn bị tốt nội dung các buổi làm việc với Học viện về thúc đẩy xây dựng trường chính trị chuẩn. Trong công tác thẩm định trường chính trị đạt chuẩn ở cấp trường và cấp tỉnh, các tỉnh ủy, thành ủy đã bám

³ Bắc Ninh (phê duyệt Đề án ngày 13/10/2021), Hải Dương (phê duyệt Đề án ngày 20/10/2021), Yên Bái (phê duyệt Đề án ngày 25/10/2021), Đắk Lắk (phê duyệt Đề án ngày 04/11/2021), Vĩnh Phúc (phê duyệt Đề án ngày 05/11/2021), Ninh Bình (phê duyệt Đề án ngày 17/11/2021), Quảng Nam (phê duyệt Đề án ngày 03/12/2021), An Giang (phê duyệt Đề án ngày 22/12/2021), Hậu Giang (phê duyệt Đề án ngày 31/12/2021), Thái Nguyên (phê duyệt Đề án ngày 31/12/2021)...

⁴ Các tỉnh, thành phố điều động, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo đáp ứng tiêu chí chuẩn về giữ chức vụ lãnh đạo trường chính trị: Bắc Giang, Hải Phòng, Phú Thọ, Tây Ninh, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Yên Bái.

⁵ Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Lào Cai, Đà Nẵng, Bình Dương, Long An, Tuyên Quang, Đắk Nông, Đồng Nai...

sát Quy định số 11-QĐ/TW, Hướng dẫn số 381-HD/HVCTQG ngày 06/9/2021 của Học viện về quy trình, thủ tục, hồ sơ, thành phần Hội đồng thẩm định các cấp; khi có khó khăn, vướng mắc trong quá trình thẩm định, các tỉnh ủy, thành ủy đều kịp thời xin ý kiến Học viện. Các tỉnh, thành ủy cũng phối hợp tốt với Học viện trong công tác thẩm định, công nhận trường chính trị chuẩn, như: thường trực tỉnh ủy, thành ủy có ý kiến giải trình tại Hội đồng thẩm định cấp Trung ương, phối hợp chỉ đạo tổ chức Lễ công bố quyết định công nhận trường chính trị đạt chuẩn.

3. Công tác triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW của các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

3.1. Công tác phổ biến, quán triệt Quy định số 11-QĐ/TW và tham mưu Đề án xây dựng trường chính trị chuẩn

Đảng ủy, Ban Giám hiệu các trường đã phổ biến đầy đủ Quy định số 11-QĐ/TW đến cán bộ, viên chức; nhiều trường thành lập tổ công tác chuyên trách xây dựng kế hoạch, đề án triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW. Theo hướng dẫn của Học viện, các trường đã tiến hành rà soát, đánh giá, định lượng việc hoàn thiện các chỉ tiêu, tiêu chí chuẩn, trên cơ sở đó xây dựng các kế hoạch, phát động phong trào thi đua đến từng khoa, phòng, cán bộ, viên chức. Các trường tổ chức truyền thông, tuyên truyền về nội dung Quy định số 11-QĐ/TW và Đề án xây dựng trường chính trị thông qua nhiều hoạt động với những hình thức phong phú, đa dạng như: tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học, viết bài đăng Bản tin, trang thông tin điện tử của trường cũng như báo chí Trung ương và địa phương... Nội dung truyền thông tập trung chuyên tải đến người đọc những định hướng lớn của Ban Bí thư, tỉnh ủy, thành ủy và trường chính trị về xây dựng trường chính trị chuẩn: quan điểm, mục tiêu, lộ trình, biện pháp, cách thức thực hiện, góp phần nâng cao nhận thức cấp ủy, chính quyền và trường chính trị về xây dựng trường chuẩn.

Thực hiện hướng dẫn của Học viện, các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã nỗ lực, tích cực phối hợp với các ban, sở, ngành có liên quan tham mưu cho Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương phê duyệt Đề án xây dựng trường chính trị chuẩn trình.

3.2. Kết quả hoàn thiện các tiêu chí chuẩn theo Quy định số 11-QĐ/TW

3.2.1. Về thể chế, quy định

Căn cứ các quy chế, quy định của Trung ương, nhiều trường đã chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy hoàn thiện hệ thống thể chế, quy định về công tác trường chính trị, như: tổ chức - cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, văn hoá trường Đảng, quản lý cơ sở vật chất... Cụ thể hóa các quy định của Đảng, Nhà nước, các quy chế, quy định của Học viện, các trường chính trị đã rà soát, cập nhật, bổ sung, sửa đổi, ban hành quy chế, quy định nội bộ bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, khả thi, qua đó, đưa các mặt hoạt động của trường chính trị đi vào nề nếp.

So với trước khi có Quy định số 11-QĐ/TW, hệ thống thể chế, quy định về công tác trường chính trị nói chung, về các mặt hoạt động nội bộ của trường chính trị nói riêng ngày càng có tính hệ thống, cụ thể, điều chỉnh toàn diện hoạt động của các trường.

3.2.2. Về đội ngũ cán bộ, viên chức

Triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW về trường chính trị chuẩn, hầu hết các trường chính trị gặp khó khăn, vướng mắc trong hoàn thiện tiêu chí chuẩn về đội ngũ cán bộ, giảng viên. Được sự quan tâm của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, sự tạo điều kiện của Học viện, các trường chính trị đã từng bước tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, viên chức theo hướng bảo đảm tỷ lệ giảng viên trên tổng số cán bộ, viên chức đạt từ 75% trở lên. Trước khi có Quy định số 11-QĐ/TW, mới có 13 trường đạt tỷ lệ này. Đến nay, đã có 31 trường đạt tỷ lệ giảng viên từ 75% trở lên trên tổng số cán bộ, viên chức. Các trường đã cử hàng trăm lượt cán bộ, giảng viên đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ lý luận chính trị. Đặc biệt, từ sau khi có Quy định số 11-QĐ/TW, số lượng cán bộ, giảng viên trường chính trị được cử đi học nghiên cứu sinh và cao cấp lý luận chính trị lớn nhất với trên 100 lượt cử đi học nghiên cứu sinh, gần 100 lượt giảng viên đi học cao cấp lý luận chính trị trong những năm gần đây [Phụ lục 4]. Hàng nghìn lượt cán bộ, giảng viên được tham dự các khoá tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng, phương pháp giảng dạy, nghiên cứu. Trong đó, số giảng viên được chuẩn hóa bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh tăng cao; góp phần quan trọng củng cố kiến thức nền tảng lý luận chính trị Mác - Lênin, nâng cao chất lượng các bài giảng. Bên cạnh đó, các trường đã quan tâm đề xuất với Tỉnh ủy, thành ủy tổ chức thi thăng hạng viên chức cho cán bộ, giảng viên đủ điều kiện; tham mưu Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy ban hành Quyết định giảng viên thỉnh giảng.

Có thể thấy, với quyết tâm chính trị cao, cách làm phù hợp, hiệu quả, đến nay, đội ngũ cán bộ, viên chức các trường đã cơ bản ổn định; cơ cấu ngày càng hợp lý hơn, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ngày càng được nâng lên; việc thực hiện chế độ thăng hạng, nâng ngạch được quan tâm, đội ngũ giảng viên thỉnh giảng được tăng cường, từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng trường chính trị chuẩn.

3.2.3. Về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng

Nhiều trường đã được tỉnh ủy, thành ủy giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng theo đúng Quy định số 09-QĐi/TW ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị cấp tỉnh. Hai năm qua, các trường đã nỗ lực, tiếp tục đổi mới động bộ các khâu, từ công tác tuyển sinh, mở lớp, quản lý học viên, thực hiện nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng đến tổ chức giảng dạy. Quy mô đào tạo, bồi dưỡng có sự ổn định so với giai đoạn 2019-2020 (giai đoạn 2019-2020 có 5.616 lớp với 458.856 học viên), giai đoạn từ 2021 đến tháng 5 năm 2023 có 5247 lớp với 455.737 học viên. Các trường có xu hướng giảm số lớp đào tạo Trung cấp lý luận chính trị, tăng số lượng lớp bồi dưỡng, chú trọng đa dạng hóa loại hình bồi dưỡng, tăng tỷ lệ đào tạo Trung cấp lý luận hệ tập trung tại trường. Tỷ lệ đào tạo tập trung/không tập trung bình quân cả nước giai đoạn 2019-2020 đạt gần 1:3.5, giai đoạn từ 2021 đến nay đạt 1:1.5, tăng hơn 2 lần.

Các trường chính trị đã tổ chức được 3.777 lớp bồi dưỡng với 365.926 học viên (tăng gần 30% về quy mô số lớp và số học viên); thực hiện tốt việc đa dạng hoá các loại hình, chương trình bồi dưỡng, nhất là các chương trình như: bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ thuộc diện ban thường vụ huyện ủy, quận ủy,

thị ủy, thành ủy thuộc tỉnh và tương đương quản lý (đối tượng 4); bồi dưỡng cấp ủy cơ sở; bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng; bồi dưỡng chuyên viên chính... Nhiều trường có quy mô bồi dưỡng lớn, như: Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh (248 lớp với 27.410 học viên), Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa (209 lớp với 21.221 học viên), Trường Chính trị tỉnh Kiên Giang (121 lớp với 10.214 học viên), Trường Chính trị tỉnh Nghệ An (102 lớp với 5.589 học viên), Trường Chính trị tỉnh Gia Lai (90 lớp với 5.850 học viên)... [*Phụ lục 5*]

Từ khi có Quy định số 11-QĐ/TW, hình thức đào tạo tập trung được chú trọng, tăng cường; công tác bồi dưỡng ngày càng được tỉnh ủy, thành ủy quan tâm giao nhiệm vụ cho các trường chính trị; hoạt động đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng được các trường triển khai nghiêm túc, bài bản và hiệu quả hơn. Nhờ đó, chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng của các trường chính trị có chuyển biến rõ nét, góp phần quan trọng xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị ở địa phương, củng cố lập trường, bản lĩnh chính trị, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở.

3.2.4. Về hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn

Triển khai Quy định số 11-QĐ/TW, cùng với sự hỗ trợ hiệu quả của Học viện, các trường chính trị nhận được sự quan tâm, tin tưởng giao nhiệm vụ của các tỉnh ủy, thành ủy, nhờ đó, hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của các trường chính trị cấp tỉnh đã có chuyển biến mạnh mẽ, bám sát nhiệm vụ chính trị, tập trung vào những vấn đề lý luận và thực tiễn mới đang đặt ra, như: vận dụng và đưa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn tại các trường chính trị; nghiên cứu, làm rõ giá trị tác phẩm “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” của Tổng Bí thư; tổ chức các hội thảo, tọa đàm tập trung vào các giải pháp thúc đẩy hoàn thiện các tiêu chí trường chính trị chuẩn theo Quy định số 11-QĐ/TW của Ban Bí thư; việc triển khai chương trình Trung cấp lý luận chính trị vào giảng dạy; tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới vào giảng dạy, nghiên cứu khoa học...

Các hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn ngày càng được chú trọng hơn về tính thực tiễn; coi trọng tính ứng dụng, xã hội hóa kết quả nghiên cứu, trên quan điểm lấy chất lượng, tính khả thi và hiệu quả làm tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá kết quả hoạt động khoa học. Một số trường đẩy mạnh hướng nghiên cứu phục vụ tư vấn hoạch định chủ trương, chính sách của địa phương.

Công tác nghiên cứu khoa học tiếp tục được triển khai nghiêm túc, bài bản, bảo đảm quy trình, tiến độ, chất lượng, hiệu quả. Các trường đã chủ động phối hợp với các Học viện trực thuộc, viện chuyên ngành của Học viện hỗ trợ, giúp đỡ trong đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng thuyết minh, xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu; phối hợp với các trường trong hệ thống, các ban, sở, ngành, địa phương có liên quan trong triển khai nghiên cứu. Chú trọng mời các nhà khoa học ở Trung ương, các chuyên gia, những người làm công tác thực tiễn... tham gia nghiên cứu đề tài.

Từ những chuyên biên mạnh mẽ trong công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, với mục tiêu cụ thể là xây dựng trường chính trị chuẩn theo Quy định số 11-QĐ/TW, trong 2 năm qua, các trường chính trị đã triển khai 7 đề tài, 21 hội thảo khoa học cấp bộ, 55 đề tài, 106 hội thảo khoa học cấp tỉnh, 861 đề tài, hội thảo khoa học cấp cơ sở. Xuất bản được 144 đầu sách chuyên khảo, tham khảo. Nhiều trường, sau một thời gian dài không có đề tài khoa học cấp tỉnh, đến nay đã đề xuất thành công nhiệm vụ khoa học cấp tỉnh. Một số trường đã chủ động, thường xuyên thực hiện các chuyên đề nghiên cứu, khảo sát thực tế, tổng kết thực tiễn; tham mưu, kiến nghị, đề xuất cho cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị, kịp thời tổng kết các nghị quyết, chỉ thị và chính sách của địa phương, qua đó nâng cao năng lực nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn của đội ngũ cán bộ, giảng viên trường chính trị cấp tỉnh. Việc chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn cho cấp ủy, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội các cấp và cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp địa phương đã được các trường chú trọng thực hiện. Việc các trường chính trị cấp tỉnh tổ chức thành công nhiều nhiệm vụ khoa học do Học viện cũng như địa phương giao đã tạo nên hiệu ứng lan tỏa tích cực trên cả nước, góp phần khẳng định vị thế của các trường chính trị tại địa phương.

Các trường tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức của nội san, bản tin Thông tin Lý luận và Thực tiễn. Một số trường những năm trước chỉ xuất bản từ 1-2 số/năm, đến nay đã xuất bản định kỳ được 3 số/năm, như Đồng Tháp, Sơn La, Tây Ninh, Thừa Thiên Huế... Nhiều bản tin, tạp chí có chất lượng tốt, nội dung phong phú, đăng tải được nhiều mô hình, kinh nghiệm quý, cách làm hay, có sức lan tỏa.

Sau khi triển khai Quy định số 11-QĐ/TW, hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của các trường chính trị đều tăng cả về quy mô và chất lượng, ngày càng thực chất, thiết thực, hiệu quả. [*Phụ lục 6*]

3.2.5. Về xây dựng văn hóa trường Đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương

Căn cứ các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Chính phủ, Quy định về ứng xử văn hóa của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các trường chính trị đều đã ban hành quy định cụ thể hóa các chuẩn mực về văn hóa trường Đảng, một số trường ban hành quy định cụ thể hóa về tiêu chuẩn, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên Trường Chính trị tỉnh. Các trường đều chủ động đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tổ chức học tập, nghiên cứu nghiêm túc, sâu sắc nội dung Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị. Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính được các trường tiếp tục quan tâm thực hiện, nhất là trách nhiệm nêu gương của lãnh đạo Trường, lãnh đạo các khoa, phòng. Hoạt động của Đảng bộ và Công đoàn các trường đều có nhiều đổi mới, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ủy, chỉ đạo tổ chức thực hiện của Ban Giám hiệu, các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện nhiệm vụ chính trị; khơi dậy, tạo được động lực, sự đồng thuận của toàn thể cán bộ, viên chức và học viên trong quản lý, điều hành, giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học, xây dựng văn hóa nhà trường...

3.2.6. Về xây dựng cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, tài chính

Được sự quan tâm của tỉnh ủy, thành ủy, sự phối hợp chặt chẽ, giúp đỡ của các ban, sở, ngành, địa phương có liên quan, các trường chính trị đã tập trung nguồn kinh phí để cải tạo các hạng mục công trình xuống cấp, xây dựng mới nhiều công trình, nhất là giảng đường, ký túc xá, đáp ứng yêu cầu tăng quy mô đào tạo tập trung. Đồng thời đầu tư thêm trang thiết bị, phương tiện giảng dạy, học tập hiện đại, phòng hội thảo trực tuyến... Một số trường có trụ sở không còn khả năng phát triển về quy mô cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu tăng quy mô đào tạo tập trung đã được tỉnh ủy, thành ủy cho phép chuyển đổi vị trí xây dựng cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại, bảo đảm diện tích sử dụng đạt chuẩn mức 1 và mức 2. Báo cáo tài chính của các trường cho thấy công tác tài chính bảo đảm đúng quy định, phục vụ tốt hoạt động của nhà trường.

4. Đánh giá chung

4.1. Ưu điểm và nguyên nhân

4.1.1. Ưu điểm

- Việc phối hợp giữa Học viện, các ban, bộ, ngành Trung ương với tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương trong triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW được đặc biệt quan tâm và thực hiện có hiệu quả; Học viện thường xuyên theo dõi, đôn đốc, thúc đẩy một cách quyết liệt các trường chính trị cấp tỉnh triển khai xây dựng trường chính trị chuẩn; chủ động, tích cực chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Trung ương có liên quan trong công tác hướng dẫn các nội dung có liên quan đến hoạt động xây dựng trường chính trị chuẩn, thẩm định và công nhận trường chính trị đạt chuẩn.

- Hoạt động xây dựng thể chế điều chỉnh công tác trường chính trị được Học viện và Bộ Nội vụ quan tâm, phối hợp thực hiện có hiệu quả, do đó, một số quy chế, quy định, hướng dẫn của Học viện và văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Nội vụ ban hành góp phần hoàn thiện hệ thống thể chế của các trường.

- Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương đã quán triệt đầy đủ nội dung Quy định số 11-QĐ/TW của Ban Bí thư; lãnh đạo, chỉ đạo các ban, sở, ngành, địa phương có liên quan phối hợp chặt chẽ với trường chính trị cấp tỉnh triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW; lãnh đạo, chỉ đạo trường chính trị cấp tỉnh trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức, đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, học tập... cho trường chính trị cấp tỉnh.

- Các trường chính trị đã bám sát chỉ đạo của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, hướng dẫn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, chủ động phối hợp với ban, sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện Đề án xây dựng trường chính trị chuẩn theo đúng yêu cầu của Quy định số 11-QĐ/TW; nỗ lực vượt qua những khó khăn, vướng mắc trên nhiều phương diện, hoàn thiện hệ thống thể chế, tập trung cơ cấu lại và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, viên chức của trường theo hướng chuẩn hóa, chủ động tham mưu xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng. Tổ chức và hoạt động của các trường chính trị đã có những chuyển biến rõ nét, từng bước chuẩn hóa các mặt công tác. Sau 2 năm, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng được nâng lên; hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn có chuyển biến tích cực, từng bước khẳng định vị thế, vai trò của trường Đảng ở địa phương.

- Đến nay, đã có 6 trường chính trị đạt chuẩn mức 1: Trường Chính trị tỉnh Lào Cai (ngày 11/11/2022); Trường Chính trị tỉnh Nghệ An (ngày 30/01/2023), Trường Chính trị tỉnh Vĩnh Phúc (ngày 25/4/2023), Trường Chính trị Tô Hiệu thành phố Hải Phòng (ngày 25/4/2023), Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa (ngày 18/5/2023), Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh (12/9/2023). Việc 6 trường chính trị đạt chuẩn đã thực sự là một kết quả quan trọng, có sức lan tỏa lớn trong toàn quốc về công tác trường chính trị chuẩn.

4.1.2. Nguyên nhân

- Quy định số 11-QĐ/TW có nội dung phù hợp thực tiễn, đáp ứng đúng yêu cầu, đòi hỏi của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn tại các địa phương hiện nay.

- Công tác trường chính trị nhận được sự quan tâm thường xuyên của Ban Bí thư, các ban, bộ, ngành Trung ương và tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương.

- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phát huy có hiệu quả vai trò là cơ quan Trung ương có nhiệm vụ quản lý, hướng dẫn chuyên môn đối với các trường chính trị cấp tỉnh, là cơ quan chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng và công nhận trường chính trị chuẩn; Học viện đã triển khai nhiều chương trình, hoạt động hỗ trợ hiệu quả, thiết thực cho các trường hoàn thiện các tiêu chí chuẩn.

- Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các tỉnh ủy, thành ủy, trường chính trị cấp tỉnh luôn nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ các ban, sở, ngành, cấp ủy và chính quyền các cấp của địa phương.

- Sự nỗ lực, cố gắng, tinh thần trách nhiệm, chia sẻ với tập thể của cán bộ, viên chức các trường chính trị cấp tỉnh, đặc biệt là sự quyết tâm, trách nhiệm của ban lãnh đạo các trường đã thực hiện phương châm “Trọng tâm - Trách nhiệm - Kỷ cương - Nêu gương - Sáng tạo”, làm tốt công tác tư tưởng, triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW có hiệu quả.

- Có sự tăng cường kết nối, chia sẻ, học hỏi các mô hình kinh nghiệm giữa các trường chính trị.

4.2. Hạn chế và nguyên nhân

4.2.1. Hạn chế

- Một số tỉnh ủy còn chậm trong xây dựng, phê duyệt đề án trường chính trị chuẩn⁶.

- Về đội ngũ cán bộ, giảng viên: Một số trường chỉ tiêu biên chế được giao chưa tương xứng với chức năng, nhiệm vụ được giao; đội ngũ giảng viên còn thiếu, mỏng; nhiều trường chưa đạt chỉ tiêu biên chế, biên chế bị cắt giảm cơ học (10%) dẫn đến thiếu hụt đội ngũ giảng viên; nhiều trường chưa bảo đảm tỷ lệ 75% giảng viên trên tổng số cán bộ, viên chức của trường⁷. Tỷ lệ giảng viên chính của nhiều trường chưa đạt chuẩn⁸; một số trường chưa đạt chỉ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đội ngũ giảng viên nhiều trường bị hẫng hụt, chất lượng giảng viên trẻ chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu, giảng dạy chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

⁶ Còn 3 tỉnh ủy chưa ban hành Đề án trường chính trị chuẩn: Cà Mau, Gia Lai, Quảng Trị.

⁷ Một số trường chưa bảo đảm tỷ lệ 75% giảng viên trên tổng số cán bộ, viên chức, như: Bắc Kạn, Bến Tre, Bình Dương, Cà Mau, Đồng Nai, Hòa Bình, Kiên Giang, Lai Châu, Long An, Phú Yên, Quảng Bình, Tây Ninh, Tiền Giang, Vĩnh Long... Trong đó, nhiều trường có tỷ lệ giảng viên dưới 50% tổng số cán bộ, viên chức, như: Bến Tre (48,6%), Bình Dương (44,4%), Lai Châu (48,5%), Tây Ninh (47,6%), Vĩnh Long (47,3%).

⁸ Bà Rịa - Vũng Tàu, Bắc Giang, Bình Phước, Cà Mau, Cao Bằng, Hậu Giang, Ninh Thuận, Tây Ninh, Bắc Kạn, Phú Yên...

- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng: Tỷ lệ lớp Trung cấp Lý luận chính trị hệ tập trung và không tập trung ở một số trường vẫn chưa đạt chuẩn theo Quy định số 11-QĐ/TW. Một số trường chưa thực hiện đủ các chương trình bồi dưỡng theo Quy định số 09-QĐi/TW ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị cấp tỉnh; chưa thực hiện tốt việc đa dạng hoá các loại hình bồi dưỡng. Một số trường chưa thực hiện nghiêm quy chế quản lý đào tạo về quy mô, độ tuổi, đối tượng học Trung cấp lý luận chính trị; chưa chủ động, kịp thời xin ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của Học viện khi gặp khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện quy chế, quy định; chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đúng theo quy định của Học viện về đánh giá chất lượng đào tạo Trung cấp Lý luận chính trị.

- Về công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn: Số lượng đề tài cấp tỉnh chưa nhiều. Một số trường chưa được giao đề tài khoa học cấp tỉnh⁹. Việc nghiên cứu tư vấn, đề xuất hoạch định chủ trương, chính sách cho tỉnh và các địa phương chưa được chú trọng. Một số trường chưa có báo cáo kiến nghị, đề xuất tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, các cơ quan Trung ương từ các kết quả nghiên cứu đề tài, hội thảo khoa học cấp tỉnh trở lên. Một số trường chưa xuất bản được sách chuyên khảo, tham khảo, chưa bảo đảm số lượng bản tin theo Quy định số 11-QĐ/TW.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học ở nhiều trường xuống cấp, lạc hậu, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa theo quy định. Một số trường đã có Đề án xây dựng trường chính trị chuẩn nhưng chưa được bố trí nguồn vốn trung hạn để triển khai đầu tư cơ sở vật chất theo nội dung, lộ trình Đề án.

4.2.2. Nguyên nhân

- Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền đối với công tác trường chính trị chưa ngang tầm với Quy định số 11-QĐ/TW. Một số địa phương chưa kịp thời giải quyết khó khăn về biên chế cho Trường chính trị; chưa quyết liệt trong tổ chức thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho giảng viên trường chính trị. Một số trường chưa được giao chủ trì các nhiệm vụ bồi dưỡng theo Quy định số 09-QĐi/TW. Còn tình trạng cạnh tranh trong tổ chức bồi dưỡng các chương trình chuyên viên, chuyên viên chính, lãnh đạo cấp phòng. Một số tỉnh, thành phố chưa quan tâm giao đề tài, hội thảo khoa học cấp tỉnh, chưa có cơ chế đặt hàng đề tài khoa học cấp tỉnh cho trường chính trị; chưa đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền giao đề tài khoa học cấp cơ sở cho trường chính trị...

- Công tác quản lý, điều hành của một số trường chính trị còn thiếu sự linh hoạt, chủ động, sáng tạo. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý thường xuyên biến động [*Phụ lục 7*]. Nhiều trường chưa kiện toàn được lãnh đạo trường và khoa, phòng. Số lượng, chất lượng giảng viên ở một số trường chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Đội ngũ giảng viên trẻ thiếu kiến thức thực tiễn, thiếu am hiểu về khoa học lãnh đạo, quản lý, chưa được đưa đi thực tế cơ sở. Một số trường chưa chủ động phối hợp với các ban, sở, ngành, địa phương trong xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; chưa đủ năng lực tham gia đấu thầu các nhiệm vụ khoa học theo quy định.

⁹ Bà Rịa - Vũng Tàu, Bắc Kạn, Đắk Nông, Khánh Hòa, Kon Tum, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Sơn La...

- Nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ giảng viên của các trường chính trị cấp tỉnh luôn bị thiếu hụt, nhất là đội ngũ giảng viên do nhiều năm liền không được bổ sung. Trong bối cảnh đó, các tỉnh, thành phố trên cả nước đang thực hiện chủ trương khoán tinh giản biên chế 10% đối với tất cả các cơ quan, đơn vị, do đó việc tăng cường nhân lực cho trường chính trị gặp khó khăn hơn.

- Với nguồn nhân lực và tài chính còn hạn chế như hiện nay, các trường chủ yếu tập trung nguồn lực cho nhiệm vụ giảng dạy; nguồn kinh phí đầu tư cũng như nhân lực tham gia nghiên cứu khoa học còn ít; đối với nhiều trường chính trị, công tác tổng kết thực tiễn còn mới mẻ, chưa có cách làm cụ thể, thống nhất.

- Cơ chế tự chủ tài chính đối với các trường chính trị chưa sát thực tiễn; chưa có quy định về định mức học phí; quy định về kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên trường chính trị chưa phù hợp; việc quy đổi giờ chuẩn chưa thống nhất...

II. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Luôn bám sát mục tiêu xây dựng trường chính trị chuẩn nhằm đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn của các trường chính trị cấp tỉnh để có đóng góp quan trọng vào xây dựng đội ngũ cán bộ cũng như hoạch định chính sách phát triển của địa phương, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, đột phá trong từng năm, từng giai đoạn để có bước đi, cách làm phù hợp, hiệu quả. Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế về công tác trường chính trị, xây dựng nội dung chương trình, giáo trình, bồi dưỡng, tập huấn giảng viên; triển khai có hiệu quả các chương trình, hoạt động hỗ trợ các trường, nhất là các hoạt động khoa học. Thực hiện có hiệu quả phương châm "tăng cường quản lý, kết nối hệ thống" bằng nhiều phương pháp, cách thức phong phú, đa dạng, linh hoạt; chú trọng tổng kết các mô hình điển hình.

3. Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, thường xuyên, kịp thời của Ban Thường vụ, Thường trực các tỉnh ủy, thành ủy, nhất là vai trò của người đứng đầu - đây chính là yếu tố quan trọng, quyết định đến triển khai Quy định số 11-QĐ/TW. Tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo quyết liệt bằng chương trình, nghị quyết, bằng các giải pháp thiết thực, đồng bộ, khả thi, kịp thời; bằng công tác kiểm tra, đánh giá. Chỉ đạo các ban, sở, ngành, địa phương phối hợp, ủng hộ, tạo điều kiện để trường chính trị hoàn thiện các chỉ tiêu chuẩn.

4. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan trong triển khai công tác trường chính trị nói chung và Quy định số 11-QĐ/TW nói riêng.

5. Phát huy tinh thần đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, tâm huyết, trách nhiệm của cán bộ, viên chức các trường chính trị, thống nhất quyết tâm xây dựng trường chính trị trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và trung tâm nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn ở địa phương. Đảng ủy, Ban giám hiệu các trường có cách làm bài bản, khoa học, có trọng tâm, trọng điểm, chủ động từ sớm, từ xa, chú trọng chất lượng. Đây là vấn đề then chốt giúp các trường từng bước chuẩn bị, tích lũy và hoàn thiện các tiêu chí chuẩn.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY ĐỊNH SỐ 11-QĐ/TW TRONG THỜI GIAN TỚI; ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Phương hướng

Tiếp tục hoàn thiện thể chế về công tác trường chính trị theo hướng toàn diện, đồng bộ nhằm tạo cơ sở cho các trường chính trị cấp tỉnh chuẩn hóa hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; đổi mới công tác đánh giá, thẩm định trường chính trị đạt chuẩn theo phương châm "thực chất, khách quan, không hình thức, không nợ tiêu chí"; tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa Học viện, các cơ quan Trung ương có liên quan với các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương trong triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn; phát huy vai trò của các cơ quan có liên quan, nhất là tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương trong lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ, đôn đốc, thúc đẩy các trường chính trị cấp tỉnh xây dựng trường chính trị chuẩn, tạo sự chuyển biến về chất trong tổ chức và hoạt động của các trường, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ở địa phương đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Đối với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về đẩy mạnh triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn.

- Tăng cường kết nối chặt chẽ với các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương nhằm thúc đẩy xây dựng trường chính trị chuẩn.

- Tiếp tục đổi mới quy trình thẩm định, công nhận trường chính trị chuẩn. Hướng dẫn các trường chính trị xây dựng, hoàn thiện hồ sơ và quy trình công nhận trường chính trị chuẩn mức 1, chuẩn mức 2 khi đạt đủ điều kiện.

- Tiếp tục hỗ trợ các trường hoàn thiện các tiêu chí trường chính trị chuẩn. Phát huy vai trò của các vụ, viện, Học viện trực thuộc; hoàn thiện, phát triển mô hình viện - trường.

- Tiếp tục hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc thực hiện kế hoạch triển khai Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn, nhất là thúc đẩy tham mưu và thực hiện Đề án xây dựng trường chính trị chuẩn.

- Đôn đốc, kiểm tra các trường chính trị trong việc triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua "Xây dựng trường chính trị chuẩn" giai đoạn 2022-2025 do Học viện phát động.

- Phối hợp với các ban, bộ, ngành có liên quan (Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Nội vụ) kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các trường trong triển khai thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW.

2.2. Đối với các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Chủ động, tích cực, tập trung, khẩn trương hoàn thiện các tiêu chí chuẩn theo nội dung, lộ trình Đề án trường chính trị chuẩn đã được phê duyệt. Đối với các tỉnh chưa ban hành được Đề án xây dựng trường chính trị chuẩn, trường chính trị cần tích cực, khẩn trương tham mưu cho tỉnh ủy sớm phê duyệt đề án.

- Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng. Chú trọng công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn đáp ứng yêu cầu xây dựng trường chính trị chuẩn, nâng cao năng lực đề xuất nhiệm vụ khoa học cấp tỉnh, có báo cáo kiến nghị gửi tỉnh ủy, thành ủy, cơ quan Trung ương có liên quan. Chủ động đề xuất, phối hợp với các Học viện trực thuộc, vụ, viện của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các ban, sở, ngành, địa phương trong triển khai nhiệm vụ nghiên cứu.

- Tiếp tục tăng cường thông tin về Học viện (qua Vụ Các trường chính trị) bao gồm các báo cáo thường xuyên, báo cáo đột xuất. Kịp thời kiến nghị, đề xuất với Học viện, với Trung ương những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

3. Đề xuất, kiến nghị

3.1. Kiến nghị, đề xuất với Ban Bí thư

- Ban Bí thư tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các tỉnh ủy, thành ủy tập trung triển khai Quy định số 11-QĐ/TW nhằm xây dựng trường chính trị xứng tầm là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, cơ quan nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn chất lượng cao của địa phương.

- Ban Bí thư chỉ đạo các ban, bộ, ngành Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy có liên quan nghiên cứu, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến công tác trường chính trị, nhất là cơ chế đãi ngộ, thu hút nguồn nhân lực, bảo đảm biên chế cho trường triển khai nhiệm vụ chuyên môn; cơ chế tài chính... cho các trường chính trị.

3.2. Đối với các ban, bộ, ngành Trung ương

- Đề nghị Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Nội vụ tiếp tục phối hợp với Học viện triển khai Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn.

- Đề nghị Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, hướng dẫn chế độ, chính sách liên quan đến giảng viên, viên chức, người lao động của trường chính trị.

- Đề nghị Bộ Tài chính phối hợp Bộ Nội vụ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hoàn thiện cơ chế tài chính thống nhất, tạo thuận lợi cho các trường chính trị triển khai chức năng, nhiệm vụ, nhất là quy định về học phí đào tạo Trung cấp Lý luận chính trị; định mức chi trả vọt giờ; chế độ tự chủ tài chính...

- Đề nghị Bộ Nội vụ ban hành quy trình, tiêu chuẩn xét thăng hạng cho viên chức trường chính trị.

- Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Nội vụ và Học viện trong việc hướng dẫn chính sách có liên quan, nhất là chính sách phong chức danh khoa học, danh hiệu nhà giáo đối với cán bộ, giảng viên các trường chính trị cần có những quy định đặc thù cho giảng viên trường Đảng.

3.3. Đối với tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương

- Đề nghị thường trực tỉnh ủy, thành ủy tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Đề án trường chính trị chuẩn; các tỉnh chưa ban hành Đề án cần sớm hoàn thiện và ban hành.

- Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và thống nhất giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cho trường chính trị theo Quy định số 09-QĐi/TW; nhất là các nhiệm vụ bồi dưỡng như: Bồi dưỡng cập nhật kiến thức cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp ủy cấp huyện (Đối tượng 4); Bồi dưỡng chuyên viên, chuyên viên chính; Bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng; Bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cấp cơ sở; Bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã... Thống nhất thực hiện trường chính trị là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức duy nhất ở cấp tỉnh.

- Quan tâm, tăng cường thực hiện giao đề tài, hội thảo khoa học cho trường chính trị, có cơ chế đặt hàng đề tài khoa học cấp tỉnh.

- Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức trường chính trị, trong đó quan tâm nâng ngạch, thăng hạng viên chức cho những người đủ tiêu chuẩn; có cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên các trường học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, trong đó, chú trọng cử giảng viên đi đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ và học cao cấp lý luận chính trị.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng (để báo cáo),
- Ban Giám đốc Học viện (để chỉ đạo),
- Thường trực Đảng ủy Học viện (để phối hợp chỉ đạo),
- Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương (để phối hợp),
- Học viện Chính trị khu vực I, II, III, IV, Học viện Báo chí và tuyên truyền, các đơn vị chức năng của Học viện (để biết),
- Ban Giám hiệu các trường chính trị cấp tỉnh (để thực hiện),
- Lưu: VT, Vụ CTCT.



Nguyễn Xuân Thắng

Phụ lục 1
Các lớp bồi dưỡng, tập huấn giảng viên trường chính trị tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 2546-BC/HVCTQG ngày 18/10/2023 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

I. Các lớp tập huấn, bồi dưỡng giảng viên trường chính trị mở tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

STT	Tên lớp	Hình thức	Số lượng học viên
1.	Lớp tập huấn giáo trình Trung cấp lý luận chính trị, học phần “Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”	Trực tuyến	844
2.	Lớp tập huấn giáo trình Trung cấp lý luận chính trị, học phần “Lịch sử Đảng, xây dựng Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội”	Trực tuyến	835
3.	Lớp tập huấn giáo trình Trung cấp lý luận chính trị, học phần “Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam”	Trực tuyến	962
4.	Lớp tập huấn giáo trình Trung cấp lý luận chính trị, học phần “Kỹ năng lãnh đạo, quản lý”	Trực tuyến	794
5.	Lớp tập huấn giáo trình Trung cấp lý luận chính trị, học phần "Nội dung cơ bản về Nhà nước pháp luật Việt Nam, Quản lý hành chính nhà nước"	Trực tuyến	745
6.	Lớp bồi dưỡng về “Phát triển Việt Nam trong bối cảnh dịch chuyển địa chiến lược mới của các nước lớn”	Trực tuyến	345
7.	Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thông tin - thư viện năm 2021	Trực tuyến	40
8.	Lớp tập huấn kiến thức quyền con người năm 2021	Trực tuyến	180
9.	Lớp tập huấn công tác thanh tra năm 2021	Trực tuyến	100
10.	Lớp bồi dưỡng phương pháp nghiên cứu khoa học năm 2021	Trực tuyến	420
11.	Lớp bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam năm 2021	Trực tuyến	221
12.	Lớp Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch năm 2021	Trực tuyến	310

STT	Tên lớp	Hình thức	Số lượng học viên
13.	Lớp bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng và tương đương	Trực tuyến	154
14.	Lớp Tập huấn giảng viên trường chính trị giảng dạy chương trình Đối tượng 4	Trực tuyến	751
15.	Lớp Tập huấn, cập nhật kiến thức cho trưởng, phó trưởng khoa Xây dựng Đảng và Nhà nước - Pháp luật các trường chính trị, trường bộ, ngành	Trực tiếp	93
16.	Lớp Bồi dưỡng kiến thức về Nhà nước, Pháp luật và Quản lý hành chính cho giảng viên trường chính trị	Trực tiếp	59
17.	Lớp Tập huấn kiến thức về công tác mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội cho giảng viên trường chính trị, trường bộ, ngành	Trực tiếp	60
18.	Lớp Tập huấn nghiệp vụ quản lý đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, viên chức Phòng Quản lý và đào tạo - Nghiên cứu khoa học của các trường chính trị	Trực tiếp	59
19.	Lớp Tập huấn, cập nhật kiến thức cho trưởng, phó trưởng khoa Lý luận cơ sở các trường chính trị	Trực tiếp	52
20.	Lớp Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch năm 2022	Trực tiếp	35
21.	Lớp kỹ năng viết và công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí trong nước và quốc tế	Trực tiếp	48
22.	Hội nghị tập huấn và trao đổi nghiệp vụ công tác đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng năm 2022	Trực tiếp	132
23.	Bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ chuyên ngành Văn Hoá và Phát triển năm 2022	Trực tiếp	39
24.	Lớp Tập huấn công tác thanh tra năm 2022	Trực tiếp	29
25.	Lớp bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	Trực tiếp	05
26.	Lớp Bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho giảng viên chuyên ngành Kinh tế chính trị	Trực tuyến	61
27.	Lớp Bồi dưỡng kỹ năng xây dựng tiêu đề chủ đề và định từ khoá nội dung tài liệu	Trực tiếp	68
28.	Bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên sâu năm 2022	Trực tiếp	20

II. Danh sách lớp bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mở tại các trường chính trị cấp tỉnh

STT	Tên lớp	Địa điểm	Thời gian	Số lượng
1.	Lớp Bồi dưỡng kiến thức Kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, giảng viên trường chính trị tỉnh Yên Bái và các trung tâm chính trị cấp huyện của tỉnh Yên Bái	Trường Chính trị tỉnh Yên Bái	25/2/2022	48
2.	Lớp Bồi dưỡng kiến thức Kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, giảng viên trường chính trị tỉnh Yên Bái và các trung tâm chính trị cấp huyện của tỉnh Yên Bái	Trường Chính trị tỉnh Vĩnh Phúc	18/3/2022	49
3.	Lớp Bồi dưỡng kiến thức Kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, giảng viên trường chính trị các tỉnh: Nam Định, Thái Bình, Hà Nam	Trường Chính trị Trường Chinh tỉnh Nam Định	16/4/2022	63
4.	Lớp Bồi dưỡng kiến thức Kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, giảng viên trường chính trị các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Lai Châu	Trường Chính trị tỉnh Điện Biên	19/4/2022	57
5.	Lớp Bồi dưỡng kiến thức Kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, giảng viên trường chính trị các tỉnh: Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Giang	Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ tỉnh Lạng Sơn	22/5/2022	52
6.	Lớp Bồi dưỡng kiến thức Kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, giảng viên trường chính trị các tỉnh: Bến Tre, Long An, Trà Vinh, Tiền Giang, Vĩnh Long	Trường Chính trị tỉnh Bến Tre	21/6/2022	62
7.	Lớp Bồi dưỡng kiến thức Kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, giảng viên trường chính trị các tỉnh: Cần Thơ, Sóc Trăng, Cà Mau, Kiên Giang	Trường Chính trị tỉnh Sóc Trăng	14/7/2022	58
8.	Lớp Bồi dưỡng kiến thức Kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, giảng viên trường chính trị các tỉnh: Thừa Thiên Huế, Quảng Bình, Quảng Trị, Đà Nẵng	Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh tỉnh Thừa Thiên Huế	22/7/2022	60

STT	Tên lớp	Địa điểm	Thời gian	Số lượng
9.	Lớp Bồi dưỡng kiến thức Kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, giảng viên trường chính trị các tỉnh: Hải Phòng, Quảng Ninh	Trường Chính trị Tô Hiệu Thành Phố Hải Phòng	3/6/2022	66
10.	Lớp Bồi dưỡng kiến thức Kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh KĐ 23.02 cho cán bộ, giảng viên trường chính trị các tỉnh Hậu Giang, Kiên Giang, Cần Thơ và Học viện Chính trị Khu vực IV.	Trường Chính trị tỉnh Hậu Giang	24/2/2023	50
11.	Lớp Bồi dưỡng kiến thức Kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh KĐ22.12 cho cán bộ, giảng viên Trường Chính trị các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước và Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.	Trường Chính trị tỉnh Bình Dương	3/2023	65
12.	Lớp Bồi dưỡng kiến thức Kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh KĐ23.03 tại Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận dành cho các bộ, giảng viên Trường Chính trị các tỉnh Ninh Thuận, Lâm Đồng, Bình Thuận, Khánh Hòa	Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận	10/3/2023	57
13.	Lớp Bồi dưỡng kiến thức Kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, công chức, viên chức Trường Chính trị Thành phố Đà Nẵng, Trường Chính trị tỉnh Quảng Nam, Trường Chính trị tỉnh Quảng Ngãi và Học viện Chính trị Khu vực III.	Trường Chính trị Thành phố Đà Nẵng	24/3/2023	70
14.	Lớp Bồi dưỡng kiến thức Kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh KĐ23.05 cho cán bộ, công chức, viên chức trường chính trị các tỉnh Hưng Yên, Hà Nam, Ninh Bình, Thái Bình.	Trường Chính trị Nguyễn Văn Linh tỉnh Hưng Yên	14/4/2023	63
15.	Lớp Bồi dưỡng kiến thức Kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, công chức, viên	Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên	24/4/2023	68

STT	Tên lớp	Địa điểm	Thời gian	Số lượng
	chức trường chính trị các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn, Bắc Giang, Hà Giang.			
16.	Lớp Bồi dưỡng giảng viên Tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, giảng viên của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giảng dạy hoặc dự kiến được phân công giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh.	Trung tâm Học viện	29/5/2023	34

Phụ lục 2

**Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương đã phê duyệt
đề án trường chính trị chuẩn**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số 2546-BC/HVCTQG ngày 18/10/2023
của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)*

TT	Tỉnh ủy, thành ủy	Ngày phê duyệt Đề án
1.	An Giang	22/12/2021
2.	Bà Rịa - Vũng Tàu	19/12/2022
3.	Bắc Giang	28/2/2022
4.	Bạc Liêu	9/5/2022
5.	Bắc Ninh	13/10/2021
6.	Bến Tre	23/12/2022
7.	Bình Định	27/6/2022
8.	Bình Dương	30/12/2022
9.	Bình Phước	26/8/2022
10.	Bình Thuận	9/3/2023
11.	Cao Bằng	21/4/2022
12.	Cần Thơ	11/4/2023
13.	Đà Nẵng	04/3/2022
14.	Đắk Lắk	04/11/2021
15.	Điện Biên	19/10/2022
16.	Đồng Nai	09/2/2022
17.	Đồng Tháp	3/2/2023
18.	Hà Giang	30/3/2022
19.	Hà Tĩnh	09/01/2023
20.	Hải Dương	20/10/2021
21.	Hải Phòng	3/6/2022
22.	Hậu Giang	31/12/2021
23.	Hòa Bình	30/6/2022
24.	Hưng Yên	4/5/2022
25.	Khánh Hòa	20/6/2022
26.	Kiên Giang	20/1/2022
27.	Lai Châu	5/10/2022
28.	Lâm Đồng	28/6/2022
29.	Lào Cai	30/3/2022
30.	Long An	6/5/2022
31.	Nam Định	30/8/2022
32.	Nghệ An	18/8/2022
33.	Ninh Bình	17/11/2021
34.	Ninh Thuận	26/7/2022
35.	Quảng Nam	03/12/2021
36.	Quảng Ngãi	30/11/2022

TT	Tỉnh ủy, thành ủy	Ngày phê duyệt Đề án
37.	Quảng Ninh	10/10/2022
38.	Sóc Trăng	20/4/2022
39.	Sơn La	19/01/2023
40.	Tây Ninh	8/11/2022
41.	Thái Bình	28/4/2022
42.	Thái Nguyên	31/12/2021
43.	Thanh Hoá	14/2/2022
44.	Thừa Thiên Huế	16/5/2022
45.	Tp. Hồ Chí Minh	09/3/2022
46.	Trà Vinh	6/7/2022
47.	Tuyên Quang	20/9/2022
48.	Vĩnh Phúc	05/11/2021
49.	Yên Bái	25/10/2021
50.	Phú Yên	16/5/2023
51.	Tiền Giang	15/5/2023
52.	Quảng Bình	22/5/2023
53.	Phú Thọ	18/5/2023
54.	Kon Tum	20/4/2023
55.	Bắc Kạn	24/5/2023
56.	Hà Nội	23/6/2023
57.	Vĩnh Long	6/7/2023
58.	Lạng Sơn	18/7/2023
59.	Đắk Nông	21/7/2023
60.	Hà Nam	07/8/2023

Phụ lục 3

Tình hình đội ngũ lãnh đạo các trường chính trị, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 546-BC/HVCTQG ngày 18/10/2023 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

STT	Tên trường	Hiệu trưởng						Phó Hiệu trưởng								
		Tham gia BCH, BTV, HĐND cấp tỉnh	Chức danh nghề nghiệp	Chứng chỉ bồi dưỡng kinh điển Mác - Lênin	Chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực	Trình độ chuyên môn	Giới tính		Trình độ chuyên môn			Chức danh nghề nghiệp		Chứng chỉ bồi dưỡng kinh điển Mác - Lênin	Chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực	
							Nam	Nữ	TS	ThS	CN	Giảng viên	Chuyên viên			
1	An Giang	TUV	GVC	1	1	TS	2		2			2			1	2
2	Bà Rịa - Vũng Tàu						2		2			1GVC	1CVC		1	2
3	Bắc Giang	TUV	CVC			ThS	1	1	1	1		2GVC			2	2
4	Bắc Kạn		GVCC	1	1	TS	1	1	1	1		1GVCC, 1GVC			2	2
5	Bạc Liêu		GVC		1	ThS	2		2			2GVC				2
6	Bắc Ninh	TUV	CVCC	1	1	ThS		2	2			2GVC			2	2
7	Bến Tre	BTV, TB Tuyên Giáo	CVCC			CN	2			2		2GVC			2	2
8	Bình Định	TUV	GVC		1	ThS	2			2		2GVC			2	2
9	Bình Dương	PBTTT	CVCC	1	1	TS	3			3		1GVC	2CVC		3	3
10	Bình Phước	Đại biểu HĐND	GVC		1	ThS	1	1		2		1GVC, 1GV			1	2

STT	Tên trường	Hiệu trưởng					Phó Hiệu trưởng					Chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực			
		Tham gia BCH, BTV, HĐND cấp tỉnh	Chức danh nghề nghiệp	Chứng chỉ bồi dưỡng kinh điển Mác - Lênin	Chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực	Trình độ chuyên môn	Giới tính	Trình độ chuyên môn			Chức danh nghề nghiệp		Chứng chỉ bồi dưỡng kinh điển Mác - Lênin		
								Nam	Nữ	TS	ThS			CN	Giảng viên
11	Bình Thuận		GVC	1	1	ThS	0	1		1		1GVC			
12	Cà Mau	TUV	CVCC	1		ThS	2		1	1		2GVC		1	2
13	Cần Thơ		GVC			ThS	2		1	1		2GVC		2	1
14	Cao Bằng		GVC	1	1	ThS				2		2GVC		2	2
15	Đà Nẵng		CVC	1	1	TS			1	1		1GVCC, 1GVC		1	2
16	Đắk Lắk	TUV	CVCC	1	1	TS	1		1			GVCC		1	1
17	Đắk Nông	TUV	GVC	đang học	1	TS	2			2		2 GVC		2	2
18	Điện Biên	TUV	CVCC		1	TS				2		2GVC		2	2
19	Đồng Nai		GVC	1	1	ThS		1	1			1GVC		1	1
20	Đồng Tháp	TUV	GVCC	1	1	TS		2	1	1		1GV, 1GVC			
21	Gia Lai	TUV	GVC	đang học	1	ThS	2			2		2 GVC		1	2
22	Hà Giang		CVCC			ThS	2		1	1		2GVC		1	1
23	Hà Nam		GVC	1	1	ThS				1		GVC		1	1
24	Hà Nội		GVCC	1	1	PGS, TS			1	1			2CVC		
25	Hà Tĩnh	TUV	CVCC		1	TS			1	1		2GVC		1	2
26	Hải Dương	TUV	CVCC	1	1	TS			1	1		1GVCC, 1GVC		2	2
27	Hải Phòng		CVCC	1	1	TS			1			1GVC		1	1
28	Hậu Giang	TUV	CVC	đang học	1	ThS	1			1			1CVC	Đang học	1
29	Hòa Bình		GVC		1	ThS		2		2		2GVC			2

STT	Tên trường	Hiệu trưởng					Phó Hiệu trưởng					Chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực		
		Tham gia BCH, BTV, HĐND cấp tỉnh	Chức danh nghề nghiệp	Chứng chỉ bồi dưỡng kinh điển Mác - Lênin	Chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực	Trình độ chuyên môn	Giới tính		Trình độ chuyên môn				Chức danh nghề nghiệp	
							Nam	Nữ	TS	ThS	CN		Giảng viên	Chuyên viên
30	Hưng Yên		CVCC			TS			2		2GVC		1	1
31	Khánh Hoà						1	1	2		2GVC		2	2
32	Kiên Giang	TUV	GVC	1	1	ThS	1	1	1		2GVC		2	2
33	Kon Tum	TUV	GVCC	1	1	TS	2		2		2GVC		2	2
34	Lai Châu		CVCC			CN			2			2CVC	0	0
35	Lâm Đồng	TUV	CVC		1	ThS	1	1	2			2CVC	đang học	2
36	Lạng Sơn	TUV	CVC	1	1	ThS	1	1	1	1	1GVC	1CVC	1	2
37	Lào Cai		CVCC	1	1	ThS		2	1		1GVC, 1GVC		2	2
38	Long An	TUV, HĐND	CVC	1	1	ThS	1	1	2		2		2	2
39	Nam Định	TUV	GVC	1	1	TS			1	1	2GVC		2	2
40	Nghệ An	TUV	CVC			TS			1	2	2GVC	1CVC	3	2
41	Ninh Bình		CVC	1	1	ThS			2	2	1GVC	1CVC	2	2
42	Ninh Thuận		GVCC		1	TS		1	1		1GVC		1	1
43	Phú Thọ		GVC		1	TS	3		3		3		1	3
44	Phú Yên		GVC		1	TS	1	1	2		2 GVC		2	2
45	Quảng Bình		CVCC		1	ThS			2	1	2GVCC, 1GVC		1	3
46	Quảng Nam		GVC		1	TS	1	1	2		2 GVC		đang học	

STT	Tên trường	Hiệu trưởng					Phó Hiệu trưởng					Chứng chỉ bồi dưỡng kinh điển Mác - Lênin	Chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực		
		Tham gia BCH, BTV, HĐND cấp tỉnh	Chức danh nghề nghiệp	Chứng chỉ bồi dưỡng kinh điển Mác - Lênin	Chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực	Trình độ chuyên môn	Giới tính		Trình độ chuyên môn					Chức danh nghề nghiệp	
							Nam	Nữ	TS	ThS	CN			Giảng viên	Chuyên viên
47	Quảng Ngãi	TUV	CVC	đang học	đang học	TS	2		2				2	đang học	2
48	Quảng Ninh						3	1	2			1CVC	3		3
49	Quảng Trị		GVC	1		TS			1			1GVC			1
50	Sóc Trăng	BTV, TB Tuyên Giáo				ThS	2	1	1			1GVC	2		2
51	Som La	UVBTV	GVC			ThS	1	1	1			2GVC	1		2
52	Tây Ninh		CVC, NGUT			TS	2		2			2GVC	2		2
53	Thái Bình		GVC	1		TS			2			2GVC	2		2
54	Thái Nguyên	TUV	GVC			ThS	2	1	1			1GVC	đang học		2
55	Thanh Hóa	TUV	CVCC	1		TS		1	1	0		1GVCC, 1GVC	2		2
56	Tiền Giang		CVCC			TS			3			3GVC	2		2
57	TP HCM	HĐND, TUV	GVCC	1		PGS, TS		2				2GVCC	2		2
58	Trà Vinh	TUV	GVCC	1		TS	1		1			1CVC	1		1
59	TT- Huế	TUV	GVC	1		TS	1	1	2			2GVC	2		2
60	Tuyên Quang		GVC	1		ThS	1		1			1GVC	1		1
61	Vĩnh Long	TUV	GVC			ThS			1	1		2GVC			

STT	Tên trưởng	Hiệu trưởng					Phó Hiệu trưởng					Chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực		
		Tham gia BCH, BTV, HĐND cấp tỉnh	Chức danh nghề nghiệp	Chứng chỉ bồi dưỡng kinh điển Mác - Lênin	Chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực	Trình độ chuyên môn	Giới tính		Trình độ chuyên môn				Chức danh nghề nghiệp	
							Nam	Nữ	TS	ThS	CN		Giảng viên	Chuyên viên
62	Vĩnh Phúc	TUV	CVCC	đang học	1	ThS		1	2		1GVC	2CVC	2	3
63	Yên Bái		CVCC	1	1	ThS	1	1	1		2GVC		1	2
	Tổng:	34			48	0	56	24	32	89	2	7	82	107

Phụ lục 4

Kết quả xây dựng đội ngũ giảng viên của trường chính trị

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 546-BC/HVCTQG ngày 18/10/2023 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

STT	Tên trường	Giới tính		Độ tuổi			Trình độ chuyên môn			Đang tham gia đào tạo chuyên môn			Trình độ lý luận			Đang tham gia đào tạo lý luận			Chức danh nghề nghiệp					Chứng chỉ bồi dưỡng kinh điển Mác - Lênin	Chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực
		Nam	Nữ	<40	40-50	>50	TS	THS	CN	TS	THS	CAO cấp	TRUNG cấp	SƠ cấp	CAO cấp	TRUNG cấp	GVCC	GV	GVCC	GV	GVCC	GV	GVCC		
1	An Giang	18	19	18	15	4	3	29	5	0	0	3	20	3	1	10	0	8	29	0	8	29	0	35	37
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	11	12	11	9	3	2	20	1	2	1	17	2		1	1	0	6	17		6	17		6	23
3	Bắc Giang	13	19	9	20	3	2	29	1	1	1	28	4					13	19	9	13	19	9	20	20
4	Bắc Kạn	6	13	7	11	1	1	17	1	0	1	16	3	0	3	0	1	6	12	9	6	12	9	15	19
5	Bạc Liêu	19	10	5	21	3	2	27			1	19	4		6			14	15	8	14	15	8	3	32
6	Bắc Ninh	10	23	15	18	2	3	30	0	3	0	28	2	0	0	2	0	13	20		0	13	20	33	33
7	Bến Tre	7	14	8	9	2	2	14	5		2	13	6		1			11	8	3	11	8	3	19	19
8	Bình Định	16	9	9	10	6	2	20	3	3	2	18	7					15	10		15	10		13	25
9	Bình Dương	12	11	9	13	1	1	19	3	3	3	14	1		1	2	0	13	9	0	13	9	0	16	23
10	Bình Phước	11	11	6	11	5	1	17	4	1		15	7					8	14		8	14		13	21
11	Bình Thuận	9	14	9	14			21	2	4		14	8					8	15	5	8	15	5	23	23

STT	Tên trường	Giới tính		Độ tuổi			Trình độ chuyên môn			Đang tham gia đào tạo chuyên môn			Trình độ lý luận			Đang tham gia đào tạo lý luận			Chức danh nghề nghiệp					Chứng chỉ bồi dưỡng kinh điển Mác - Lênin	Chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực
		Nam	Nữ	<40	40-50	>50	TS	ThS	CN	TS	ThS	Chuyên môn	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Cao cấp	Trung cấp	GVCC	GYC	GV	Đã đủ điều kiện nhưng chưa được xét				
12	Cà Mau	17	8	4	15	6	4	19	2	2		23	2				1	6	18	11	23	24			
13	Cần Thơ	15	12	11	12	2	2	23	2	5	2	16	11	9				10	17		25	27			
14	Cao Bằng	16	23	13	10	6	1	26	2	2	1	25	4	2	1			10	19	7	28	29			
15	Đà Nẵng	13	17	14	11	5	3	26	1	2		27	3				1	22	7		7	30			
16	Đắk Lắk	20	12	7	23		5	27	0	1	0	26	6	0			2	5		2	28	28			
17	Đắk Nông	15	11	11	13	2	2	22	2	1	3	21	5					16	10	4	1	16			
18	Điện Biên	10	24	13	15	6	2	29	3	3		23	9		3			16	18		33	34			
19	Đồng Nai	3	14	8	10		3	14		2		14	3		2		3	15			17	17			
20	Đồng Tháp	16	12	11	10	7	5	22	1	3	1	25	3				1	6	21		24	28			
21	Gia Lai	15	16	14	8	9		29	2	0	0	20	11	0	0			16	15		15	31			
22	Hà Giang	13	20	16	8	9	0	19	14		2	20	2					16	17			28			
23	Hà Nam	12	21	12	16	5	1	27	5	1	5	24	9	0	0		0	17	16	2	12	33			
24	Hà Nội	24	40	10	47	7	12	47	1	2			47		4	1		19	1	24	42	43			
25	Hà Tĩnh	14	15	1	5	23	2	27		2		26	3				1	19	9	8	15	29			
26	Hải Dương	12	30	20	13	9	6	36				34	8				4	37	1	5		38			
27	Hải Phòng	10	25	17	15	3	5	29	1	3	1	26	6		3	2	1	17	17	7	33	35			

STT	Tên trường	Giới tính		Độ tuổi			Trình độ chuyên môn			Đang tham gia đào tạo chuyên môn	Trình độ lý luận			Đang tham gia đào tạo lý luận		Chức danh nghề nghiệp				Chứng chỉ bồi dưỡng kinh điển Mác - Lênin	Chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực	
		Nam	Nữ	<40	40-50	>50	TS	ThS	CN		TS	ThS	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Cao cấp	Trung cấp	GVCC	GYC			GV
28	Hậu Giang	15	16	17	13	1	1	23	7	6	7	19			12			6	25	20	11	31
29	Hòa Bình	9	21	16	8	6	0	20	10	6	8	16	13	1	1	0	0	11	19	6	4	12
30	Hung Yên	12	25	17	15	5		32	5			31	6					18	19		35	14
31	Khánh Hoà	10	20	12	10	8	0	18	2	1	1	12	7	0	5	0	0	8	22	13	26	18
32	Kiên Giang	16	16	6	21	5	4	24	4	1	1	28	4					10	22	5	32	32
33	Kon Tum	13	14	8	14	5	2	24	1			18	7	1	1	1	1	10	16	3	20	27
34	Lai Châu	14	9	5	14	4		18	5		3	16	3		2			3	19	3	20	20
35	Lâm Đồng	11	11	7	11	4	0	20	2		1	19	13	0				10	12	2	22	
36	Lạng Sơn	12	25	13	18	6		35	2	1		31	6	0	2			21	16	10	36	37
37	Lào Cai	12	22	15	16	3	1	32	1	6		29	4		1			2	24	8	33	34
38	Long An	12	9	4	10	7		21		1		19	2					14	7	2	16	21
39	Nam Định	8	29	17	18	2	2	31	4	4	3	31	5					18	19	4	32	32
40	Nghệ An	19	29	18	24	6	8	47	1	4	0	47	1	0	0	0		32	16		44	48
41	Ninh Bình	8	23	11	16	4	1	28	2	1	2	25	6					16	15	8	15	31
42	Ninh Thuận	7	14	12	7	2	1	12	8	1		11	10				1	2	18			21
43	Phú Thọ	12	28	11	22	7	2	36	2			37	3	0				16	24	17	9	40

STT	Tên trường	Giới tính		Độ tuổi			Trình độ chuyên môn			Đang tham gia đào tạo chuyên môn			Trình độ lý luận			Đang tham gia đào tạo lý luận			Chức danh nghề nghiệp				Chứng chỉ bồi dưỡng kinh điển Mác - Lênin	Chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực
		Nam	Nữ	<40	40-50	>50	TS	ThS	CN	TS	ThS	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Cao cấp	Trung cấp	GVCC	GV	Đã đủ điều kiện nhưng chưa được xét					
44	Phú Yên	9	14	9	12	2	1	21	1	1	18	5	0	0	0	0	7	16	7	17	23			
45	Quảng Bình	13	16	10	12	7	2	26	1	0	28	1	0	0	0	3	11	15	8	15	29			
46	Quảng Nam	15	15	12	13	5	1	27	2	3	22	8	0	1	0	0	14	16	9	0	15			
47	Quảng Ngãi	11	16	7	18	2	1	19	7	2	15	7	5	0	2	0	10	16	2	16				
48	Quảng Ninh	9	26	15	18	2	3	31	1	5	27	8	0			23	12		34	35				
49	Quảng Trị	17	24	12	14	15	2	25	2	1	19	9	1	6	7	0	20	14	14	22	29			
50	Sóc Trăng	14	12	9	13	1	5	20	1	3	21	5	0	0	1	0	18	8	4	25	23			
51	Son La	6	15	19	2			20	1		10	5					21	5	5	5	21			
52	Tây Ninh	11	13	12	7	4	1	21	2	2	18	6				4	20	1	10	24				
53	Thái Bình	12	21	10	31	3	1	32		2	28	5	1	1		15	18	11	29	32				
54	Thái Nguyên	12	22	9	31	4	2	29	3		29	5		1		1	15	18	7	3	34			
55	Thanh Hóa	20	39	11	35	13	7	47	5	3	57	2	0	1		2	37	20	3	50	35			
56	Tiền Giang	10	14	13	6	5	3	20	1	4	14	10		4		2	14	8	6	18	2			
57	TP HCM	34	37	22	35	14	26	45		19	48	23		1		3	20	48	23	63	71			
58	Trà Vinh	14	15	12	12	5	2	27			22	1		2		2	9	18		27	29			
59	TT- Huế	10	17	9	13	5	5	20	2	3	22	5	0	1	0	0	15	12	4	26	27			
60	Tuyên Quang	3	20	17	6	0	0	20	3	1	18	5				7	16	5	14	23				

STT	Tên trường	Giới tính		Độ tuổi			Trình độ chuyên môn			Đang tham gia đào tạo chuyên môn		Trình độ lý luận			Đang tham gia đào tạo lý luận			Chức danh nghề nghiệp					Chứng chỉ bồi dưỡng kinh điển Mác - Lênin	Chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực
		Nam	Nữ	<40	40-50	>50	TS	THS	CN	TS	THS	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Cao cấp	Trung cấp	GVCC	GYC	GV	Đã đủ điều kiện nhưng chưa được xét				
61	Vĩnh Long	12	15	9	12	6	0	25	2				20	7			7	20	9			7	24	27
62	Vĩnh Phúc	12	18	1	20	9	5	23	2			30					22	5					30	
63	Yên Bái	13	25	17	21		2	35	1	2	1	34	4		4		1	7	18		1	34	38	
	Tổng:	804	1,160	712	950	306	163	1,619	154	117	78	1,441	390	10	80	29	34	856	982	333	1,282	1,710		

STT	Tên trường	Tổng DT, BD		Kết quả đào tạo TCELLCT				Kết quả bồi dưỡng														
		Số lớp	Số HV	Hệ tập trung		Hệ không tập trung		Tỷ lệ lớp tập trung/không tập trung	Số lớp	Số HV	BD cấp ủy		BD đối tượng 4		BD CV, CYC		BD lãnh đạo cấp phòng		BD đại biểu HĐND cấp xã		Bồi dưỡng khác	
				Lớp	Học viên	Lớp	Học viên				Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV
18	Điện Biên	45	2660	9	509	14	1068	0.643	22	1083	1	37			11	713					10	333
19	Đồng Nai	75	7547	6	291	23	1684	0.261	46	5572	3	570	0	0	14	1091	5	42	2	120	22	3371
20	Đồng Tháp	25	1549	9	451	16	1098	0.563	70	5908	30	2812	14	986	10	675	7	527	0	0	16	2086
21	Gia Lai	198	10448	35	1175	19	1124	1.842	90	5850	49	3742	4	226	7	169	1	57	4	226	0	0
22	Hà Giang	31	930	9	452	16	121	0.563	6	357					4	288	2	69				
23	Hà Nam	33	4978	4	200	7	520	0.571	22	4258	0	0	16	3730	5	373	1	155				
24	Hà Nội	178	18,425	7	324	85	6,637	0.082	86	11,428	6	1,080	10	1,131	12	909					58	8,308
25	Hà Tĩnh	52	3305	5	119	19	1337	0.263	28	1849					19	1211	5	321			2	200
26	Hải Dương	126	15258	4	195	26	1885	0.154	96	13373	24	3076			7	588	2	204	30	6030	32	3430
27	Hải Phòng	115	6961	5	250	21	1328	0.238	89	5383	8	513	4	265	25	1018	38	2459	8	604	6	524
28	Hậu Giang	35	2256	6	300	29	1956	0.207	59	4477	7	700	9	893	17	1004	6	378			20	1502
29	Hòa Bình	129	10,274	7	329	11	726	0.636	111	9,219	16	885	12	890	3	147	5	289	15	4,060	30	1,561
30	Hưng Yên	62	7718	2	93	29	2068	0.069	31	5557	1	281	11	2527	6	457					13	2292
31	Khánh Hoà	69	6439	5	244	17	1306	0.294	47	4889	0	0	3	382	14	1310	9	724	0	0	21	2473
32	Kiên Giang	125	10214	6	297	24	1837	0.250	121	10214	3	320	20	1611	28	2452	13	1201	6	688	25	1798
33	Kon Tum	92	5482	4	168	6	322	0.667	82	4492	3	195	21	1632	2	161	1	2	45	2024	9	834
34	Lai Châu	39	2076	7	331	2	89	3.500	32	1745	1	75	16	961	9	456	6	253				
35	Lâm Đồng	85	11641	7	305	24	1705	0.292	54	9631	1	114	1	103	7	382	4	321	11	1173	30	7538
36	Lạng Sơn	79	6919	4	183	7	417	0.571	68	6319			21	2003	6	372	2	119	38	3755	1	70
37	Lào Cai	25	1306	7	349	6	389	1.167	12	568	3	138			4	196	2	99			3	135
38	Long An	92	9292	6	299	12	950	0.500	74	8043	18	1615	17	1854	5	355	2	163	27	3656	10	835
39	Nam Định	147	7648	2	110	13	871	0.154	72	7648	1	76			17	1072	16	500	37	5000		
40	Nghệ An	172	8884	14	612	56	2683	0.250	102	5589	7	539	10	1056	12	1263	1	46			72	2685
41	Ninh Bình	128	9274	3	137	8	484	0.375	117	8653			13	2106	3	215			69	3391	32	2941

STT	Tên trường	Tổng DT, BD		Kết quả đào tạo TCELLCT				Kết quả bồi dưỡng															
		Số lớp	Số HV	Hệ tập trung		Hệ không tập trung		Tỷ lệ lớp tập trung/không tập trung	Số lớp	Số HV	BD cấp ủy		BD đối tượng 4		BD CV, CVC		BD lãnh đạo cấp phòng		BD đại biểu HĐND cấp xã		Bồi dưỡng khác		
				Lớp	Học viên	Lớp	Học viên				Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp
42	Ninh Thuận	56	3520	2	96	5	382	0.400	49	3042	0	0	5	414	1	74	0	0	0	0	0	43	2554
43	Phú Thọ	54	5998	1	50	7	453	0.143	46	5,495	35	4,290	7	590	0	0	0	0	0	0	0	0	0
44	Phú Yên	33	4309	3	150	9	719	0.333	21	3440	2	211	6	372	0	0	11	2719	2	138	0	0	0
45	Quảng Bình	71	5066	9	438	10	756	0.900	26	1936	2	150	15	1119	0	0	0	0	0	0	7	530	
46	Quảng Nam	98	7660	11	520	14	1032	0.786	73	6108	12	868	5	377	3	261	45	4145	7	353	0	0	0
47	Quảng Ngãi	87	7246	7	340	11	611	0.636	69	6246	0	0	7	584	2	152	41	4038	2	340	0	0	0
48	Quảng Ninh	119	10126	4	163	9	679	0.444	106	9284	2	106	10	648	18	1398	34	4210	40	2776	0	0	0
49	Quảng Trị	27	1887	7	420	22	1684	0.318	37	2448	1	88	0	11	6	415	0	0	0	0	0	0	0
50	Sóc Trăng	18	1147	9	427	9	720	1.000	36	37520	0	0	3	242	1	81	22	2555	0	0	0	0	0
51	Son La	66	3802	10	481	23	1361	0.435	33	1950	12	719	2	121	6	262	0	0	0	0	4	200	0
52	Tây Ninh	50	6319	4	198	16	1040	0.250	30	5081	2	93	2	204	1	56	0	0	0	0	23	4768	0
53	Thái Bình	66	6198	4	200	13	799	0.308	49	5199	2	520	14	914	11	644	0	0	0	0	20	2590	0
54	Thái Nguyên	117	7,108	11	581	27	2023	0.407	77	4,335	4	184	12	648	7	395	4	320	47	2,617	0	0	0
55	Thanh Hóa	268	25137	18	726	37	2757	0.486	213	21654	16	1624	20	1890	10	1074	132	14047	35	3019	0	0	0
56	Tiền Giang	72	7118	7	343	17	1106	0.412	51	5669	0	0	7	765	4	534	0	0	0	0	37	4076	0
57	TP HCM	325	32892	24	1200	53	4282	0.453	248	27410	4	648	48	3869	21	1557	11	1792	85	9587	0	0	0
58	Trà Vinh	100	10,526	9	443	12	941	0.750	79	9142	12	1676	8	606	0	0	20	2897	15	1570	0	0	0
59	TT- Huế	121	7911	10	500	17	1219	0.588	94	6192	9	400	22	1566	11	678	3	277	0	0	0	0	0
60	Tuyên Quang	92	9,374	2	95	11	993	0.182	79	8,286	0	0	13	1,444	15	1,311	0	0	0	0	36	3,116	0
61	Vĩnh Long	33	4394	8	391	2	130	4.000	23	3873	2	126	2	83	0	0	8	2532	10	1071	0	0	0
62	Vĩnh Phúc	130	18982	13	746	7	471	1.850	110	17765	11	1192	8	868	7	884	28	6221	45	7787	0	0	0
63	Yên Bái	76	5,044	3	156	5	396	0.600	68	4,492	2	175	10	681	11	629	0	0	0	0	0	0	0
	TỔNG	5247	455,737	452	21231	1036	71805	0.629	3777	365926	331	30735	493	54328	652	47040	291	20171	792	97058	1035	103923	0

Phụ lục 6

Kết quả nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn giai đoạn 2021-2023
của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 2546-BC/HVCTQG ngày 18/10/2023 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

TT	Tên trường	Đề tài, đề án (đã nghiệm thu)			Báo cáo kiến nghị từ kết quả đề tài	Hội thảo khoa học				Hoạt động xuất bản		Bản tin, nội san	
		Bộ	Tỉnh	Trường		Quốc tế	Bộ	Tỉnh	Trường	Số lượng sách	Nhà xuất bản (kê tên)	Số kỳ/năm	Số bản/số
1	An Giang	0	1	10	0	0	1	3	5	2	Nxb LLCT	3	100
2	Bà Rịa-Vũng Tàu	0	0	5	0	0	0	0	9	1	Nxb LLCT	2-3	200
3	Bắc Giang		1	16				2	17	2	Nxb LLCT	3	900
4	Bắc Kạn	0	0	11	0	0	0	0	11	0	0	2	150
5	Bạc Liêu		1					1	5	1	Nxb LLCT	3	150
6	Bắc Ninh	0	2	12			1	1	2	3	Nxb LLCT	3	200
7	Bến Tre			7	1			3	10	1	Nxb LLCT	3	120
8	Bình Định								3	2		5	
9	Bình Dương		1					3	7	3		4	
10	Bình Phước		1	9	4			1	2	2	Nxb LLCT		
11	Bình Thuận		2	6					8	2	Nxb LLCT	2	
12	Cà Mau			13					6			2	100
13	Cần Thơ		1	7				2	6	1	Nxb LLCT	3	80
14	Cao Bằng		1	6				5	12	1	Nxb LLCT	2	100
15	Đà Nẵng	0	1	14	có		0	2	7	2	Nxb LLCT, Đà Nẵng	3	50
16	Đắk Lắk	0	0	5	5		0	0	7	5	NXB Sự thật, khoa học xã hội, Chính trị quốc gia	3	250

TT	Tên trường	Đề tài, đề án (đã nghiệm thu)		Bảo cáo kiến nghị từ kết quả đề tài	Hội thảo khoa học				Hoạt động xuất bản			Bản tin, nội san	
		Bộ	Tỉnh		Trường	Quốc tế	Bộ	Tỉnh	Trường	Số lượng sách	Nhà xuất bản (kể tên)	Số kỳ/năm	Số bản/số
17	Đắk Nông	0	0	4	4	0	0	2	0		2	50	
18	Điện Biên				5		1	8	1		3	100	
19	Đồng Nai		2		7		1	13	5	Nxb Đồng Nai	7	200	
20	Đồng Tháp			1	8	1	2	14	10		3	50	
21	Gia Lai	0	0	0	4	0	1	3	5	NXB Đà Nẵng	4	8	
22	Hà Giang				8		2	5	2	Công ty CP in Hà Giang	7	144	
23	Hà Nam				4		1	4			2-4		
24	Hà Nội		2	3	6		1	4			2-3	200	
25	Hà Tĩnh		1		1		4	2	1	Nxb LLCT	3	150/6	
26	Hải Dương		4		7		1	5	3		4	300	
27	Hải Phòng		3		17		1	7	8	Nxb LLCT, Hải Phòng, ĐHQG	3	200	
28	Hậu Giang		1		8		1	6	1	Nxb LLCT	2-5	60-70	
29	Hòa Bình		2		7		2	7	10		3	6	
30	Hưng Yên		1		10		2	7	3		3		
31	Khánh Hoà	0	0	0	5	0	1	4	0	0	2-3	100	
32	Kiên Giang		1		3		5	9	5	Nxb LLCT	3	120	
33	Kon Tum	0	0	0	4	0	0	5	0		3	100	
34	Lai Châu				3		1	4			2		
35	Lâm Đồng	0	0	0	3	0	0	2	1	NXB Đà Nẵng	2-3	300	
36	Lạng Sơn				7			4			3	150	
37	Lào Cai		1		6		2	9	3	Nxb CTQG ST, LLCT	4		

TT	Tên trường	Đề tài, đề án (đã nghiệm thu)		Báo cáo kiến nghị từ kết quả đề tài	Hội thảo khoa học				Hoạt động xuất bản		Bản tin, nội san		
		Bộ	Tỉnh		Trường	Quốc tế	Bộ	Tỉnh	Trường	Số lượng sách	Nhà xuất bản (kể tên)	Số kỳ/năm	Số bản/số
38	Long An			5					7			4	80
39	Nam Định		2	5		1	2	15	2			3	200
40	Nghệ An	0	2	5	0	2	1	6	7	Nxb Nghệ An, LLCT		3-4	300
41	Ninh Bình		1	7		1	3	8	3	Nxb LLCT, Thanh niên, Lao động		3	200
42	Ninh Thuận			3				3	1			3	110
43	Phú Thọ		1	5		1	4	5				3	500
44	Phú Yên	0	1	9	0	0	2	3	1			2-3	80
45	Quảng Bình	0	0	10	0	0	0	4				2	300
46	Quảng Nam	0	1	11	1	0	1	5	3	Nxb LLCT		3	6
47	Quảng Ngãi	0	1	4	0	0	1	6	0			2	5
48	Quảng Ninh		1	12	1		4	8	3	Nxb LLCT, Thông Tấn, Dân Trí		4	150
49	Quảng Trị	0		7	6	0	0	11	0	0		3	200
50	Sóc Trăng			1			1	4	3	Nxb Chính trị		3	50
51	Son La			7	2	1		3				3	370
52	Tây Ninh		1	9			1	5	2			3	
53	Thái Bình		2	30			1	8	1	Nxb LLCT		2-3	80
54	Thái Nguyên		1	17	18		3	10	4	Nxb LLCT		3	450
55	Thanh Hóa	3	5	6	4	0	2	9	10	NXB Thanh Hóa, NXB Sự thật		4	2500
56	Tiền Giang	0	0	1	0	0	2	7	1	Cty TNHH Toàn Thịnh		3	450

TT	Tên trường	Đề tài, đề án (đã nghiệm thu)			Báo cáo kiến nghị từ kết quả đề tài	Hội thảo khoa học				Hoạt động xuất bản			Bản tin, nội san	
		Bộ	Tỉnh	Trưởng		Quốc tế	Bộ	Tỉnh	Trưởng	Số lượng sách	Nhà xuất bản (kể tên)	Số kỳ/năm	Số bản/số	
57	TP HCM	3		10	Có	1	7	12	7	Nxb LLCT, Tổng hợp	3	12		
58	Trà Vinh		1	3	1		1	3	4	Nxb LLCT, Nhà in VH-TH tỉnh Trà Vinh	3	400		
59	TT- Huế	0	1	0	0	0	1	9	0		3	220		
60	Tuyên Quang		2	14			1	7						
61	Vĩnh Long			2				2			7			
62	Vĩnh Phúc	1	2	7			2	15	8	Nxb Công an ND	4	6		
63	Yên Bái						2	7	1	Nxb LLCT	3	100		
	TỔNG	7	55	438	45	4	21	108	423	147				

Phụ lục 7
Thống kê tình hình điều động, bổ nhiệm đội ngũ Ban giám hiệu
các trường chính trị từ tháng 5/2021 đến tháng 5/2023
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 2546-BC/HVCTQG ngày 18/10/2023
của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

TT	Trường	Tên	Chức vụ	Thay đổi
1.	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng tỉnh An Giang	Huỳnh Đức Hiền	Phó Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (20/9/2022)
2.	Trường Chính trị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Ngô Thị Liên	Hiệu trưởng	Nghỉ hưu
3.	Trường Chính trị Châu Văn Đăng tỉnh Bạc Liêu	Dương Văn Thạnh	Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (3/8/2021)
		Lê Quốc Khởi	Phó Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (29/7/2022)
		Trương Thị Phúc	Phó Hiệu trưởng	Chuyên công tác
		Trần Hoàng Khải	Phó Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (5/8/2021)
4.	Trường Chính trị tỉnh Bắc Giang	Bùi Thế Chung	Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (1/11/2021)
		Đỗ Thị Minh	Phó Hiệu trưởng	Nghỉ hưu
		Trần Thúy Hoàn	Phó Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (01/01/2022)
5.	Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh	Trần Văn Vững	Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (18/7/2022)
		Nguyễn Thị Dung	Hiệu trưởng	Chuyên công tác
		Chu Thị Ngân	Phó Hiệu trưởng	Được bổ nhiệm (03/01/2022)
6.	Trường Chính trị tỉnh Bắc Kạn	Nguyễn Minh Đức	Hiệu trưởng	Chuyên công tác
		Âu Thị Hồng Thắm	Hiệu trưởng	Được bổ nhiệm (1/8/2023)
7.	Trường Chính trị tỉnh Bình Dương	Nguyễn Hoàng Thao	Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (03/6/2022)
		Phan Công Thành	Phó Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (01/8/2022)
8.	Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận	Dụng Văn Duy	Hiệu trưởng	1/12/2021, nguồn tại chỗ

TT	Trường	Tên	Chức vụ	Thay đổi
9.	Trường Chính trị Hoàng Đình Giông tỉnh Cao Bằng	Hoàng Việt Hưng	Phó Hiệu trưởng	Được bổ nhiệm (20/4/2022)
10.	Trường Chính trị tỉnh Đắk Lắk	Ngô Sáu	Phó Hiệu trưởng	Nghỉ hưu
		Y Mlúck Kbuôr	Phó Hiệu trưởng	Chuyển công tác
11.	Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai	Vũ Thị Nghĩa	Phó Hiệu trưởng	Được bổ nhiệm (18/11/2021), nguồn tại chỗ
12.	Trường Chính trị tỉnh Điện Biên	Lò Thị Minh Phượng	Hiệu trưởng	Chuyển công tác
		Lê Tiến Dũng	Phó Hiệu trưởng phụ trách	Được điều động, bổ nhiệm (07/12/2022)
		Phạm Hồng Phong	Phó Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (20/10/2021)
13.	Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp	Võ Thị Tuyết Hoa	Phó Hiệu trưởng	Được bổ nhiệm (01/6/2022)
14.	Trường Chính trị tỉnh Gia Lai	Ngô Khắc Ngọc	Hiệu trưởng	Được bổ nhiệm (1/11/2021)
		Phan Thị Nga	Phó Hiệu trưởng	Được bổ nhiệm (05/8/2022)
15.	Trường Chính trị tỉnh Kiên Giang	Lâm Phước Hải	Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (2/11/2021), nguồn từ nơi khác
16.	Trường Chính trị tỉnh Hà Giang	Nguyễn Hoàng Hưng	Phó Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (30/8/2022)
17.	Trường Chính trị tỉnh Hà Nam	Nguyễn Hòa Bình	Phó Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (30/7/2021)
18.	Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong thành phố Hà Nội	Vũ Lộc An	Phó Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (18/01/2022)
19.	Trường Chính trị Tô Hiệu thành phố Hải Phòng	Nguyễn Kim Pha	Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (29/10/2021)
		Nguyễn Văn Hiếu	Hiệu trưởng	Chuyển công tác
20.	Trường Chính trị Trần Phú tỉnh Hà Tĩnh	Nguyễn Quang Ngọc	Phó Hiệu trưởng	Được bổ nhiệm (19/8/2022)
21.	Trường Chính trị tỉnh Hậu Giang	Nguyễn Hiệp Trung,	Phó Hiệu trưởng	Chuyển công tác

TT	Trường	Tên	Chức vụ	Thay đổi
22.	Trường Chính trị tỉnh Hoà Bình	Nguyễn Trọng Khiêm	Hiệu trưởng	Được bổ nhiệm (11/2021)
		Hà Thị Thanh Hải	Phó Hiệu trưởng	Được bổ nhiệm (18/5/2022)
23.	Trường Chính trị Nguyễn Văn Linh tỉnh Hưng Yên	Ngô Thị Hà	Phó Hiệu trưởng	Thôi giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng
24.	Trường Chính trị tỉnh Khánh Hoà	Nguyễn Lê Đình Thống	Hiệu trưởng	Qua đời
25.	Trường Chính trị tỉnh Kon Tum	Quách Thị Minh Thúy	Phó Hiệu trưởng	Nghỉ hưu
		Nguyễn Thọ Hòa	Phó Hiệu trưởng	Được bổ nhiệm (01/12/2022)
26.	Trường Chính trị tỉnh Lai Châu	Đặng Thu Hiếu	Phó Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (05/01/2022)
27.	Trường Chính trị tỉnh Nghệ An	Lê Thị Hoài Chung	Hiệu trưởng	Chuyển công tác
		Vương Quang Minh	Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (3/8/2023)
28.	Trường Chính trị tỉnh Quảng Ngãi	Nguyễn Viêt Vy	Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (16/5/2022)
		Đào Văn Quang	Phó Hiệu trưởng	Bổ nhiệm (22/9/2021), nguồn tại chỗ
29.	Trường Chính trị tỉnh Quảng Nam	Lê Minh Đức	Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (1/10/2022)
30.	Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ tỉnh Quảng Ninh	Bùi Thúy Phượng	Hiệu trưởng	Chuyển công tác
		Đỗ Minh Tuấn	Phó hiệu trưởng phụ trách	
31.	Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị	Nguyễn Hữu Thánh	Hiệu trưởng	Nghỉ hưu
		Dương Hương Sơn	Hiệu trưởng	Được bổ nhiệm (16/9/2022)
32.	Trường Chính trị tỉnh Phú Thọ	Đỗ Tùng	Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (01/5/2023)
		Nguyễn Thị Thanh Hương	Hiệu trưởng	Chuyển công tác
33.	Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên	Đặng Thị Kim Oanh	Phó Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (01/8/2022)

TT	Trường	Tên	Chức vụ	Thay đổi
		Phạm Minh Chuyên	Phó Hiệu trưởng	Nghỉ hưu
34.	Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh tỉnh Thừa Thiên Huế	Trần Duy Phước	Phó Hiệu trưởng	Nghỉ hưu
		Trần Nhật	Phó Hiệu trưởng	Được bổ nhiệm (01/12/2022)
35.	Trường Chính trị tỉnh Trà Vinh	Lâm Ngọc Rạng	Phó Hiệu trưởng	Nghỉ quản lý
		Cao Hoàng Phúc	Phó Hiệu trưởng	Được bổ nhiệm (29/3/2022)
36.	Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang	Lê Văn Tý	Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (1/6/2023)
		Lê Tấn Lập	Hiệu trưởng	Nghỉ hưu
37.	Trường Chính trị Phạm Hùng tỉnh Vĩnh Long	Lê Tiến Dũng	Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (09/2/2022)
38.	Trường Chính trị tỉnh Vĩnh Phúc	Nguyễn Thị Thu Hà	Hiệu trưởng	Được điều động trở lại (2022)
		Bùi Huy Vĩnh	Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy kiêm Hiệu trưởng	Thôi kiêm nhiệm chức vụ Hiệu trưởng
		Hà Vũ Tuyền	Phó Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (23/9/2021)
39.	Trường Chính trị tỉnh Yên Bái	Nguyễn Thanh Sơn	Phó Hiệu trưởng	Nghỉ hưu
		Lê Thị Huệ	Phó Hiệu trưởng	Bổ nhiệm (15/9/2021), nguồn tại chỗ
		Nguyễn Ngọc Quỳnh	Phó Hiệu trưởng	Được điều động, bổ nhiệm (1/4/2023)